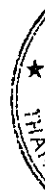


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 53



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 20, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Ngô Đình Thành	Thành viên (đã xin từ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2019)
Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc và trở thành Tổng Giám đốc ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực (bỏ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2019)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2019)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Số 735/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019, từ trang 4 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0147-2018-137-1
TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.376.585.040.239	1.410.002.553.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.880.055.031	28.000.366.689
1. Tiền	111	5.1	8.880.055.031	28.000.366.689
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		825.896.023.600	899.882.523.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	146.455.189.219	108.090.288.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	35.172.134.972	67.903.275.043
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	455.991.929.461	601.712.999.030
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	191.499.553.642	125.096.288.005
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(3.222.783.694)	(2.920.327.594)
III. Hàng tồn kho	140		534.673.467.431	479.834.382.251
1. Hàng tồn kho	141	5.7	534.673.467.431	479.834.382.251
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.135.494.177	2.285.281.426
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	1.794.120.000	175.183.013
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.341.374.177	2.110.098.413

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		365.894.591.948	301.079.198.312
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.587.652.141	22.782.852.141
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	22.587.652.141	22.782.852.141
II. Tài sản cố định	220		26.692.377.164	29.342.699.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	11.971.890.511	10.610.514.675
- Nguyên giá	222		32.001.277.360	29.834.243.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.029.386.849)	(19.223.728.685)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	14.617.918.627	18.607.616.523
- Nguyên giá	225		21.153.466.347	25.421.636.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.535.547.720)	(6.814.019.824)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	102.568.026	124.568.026
- Nguyên giá	228		280.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.431.974)	(155.431.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		306.791.337.369	232.610.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.13	176.010.000.000	112.610.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.13	(8.246.082.631)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.14	139.027.420.000	120.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.826.068.541	11.346.490.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	4.826.068.541	11.346.490.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.742.479.632.187	1.711.081.752.116

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.315.822.780.334	1.280.258.852.312
I. Nợ ngắn hạn	310		1.059.823.936.148	1.022.029.377.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	136.494.046.200	136.481.913.049
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	253.505.712.823	209.378.874.455
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	12.129.043.095	11.777.855.429
4. Phải trả người lao động	314		821.216.003	1.002.397.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	3.733.472.228	1.903.882.838
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	29.000.532.434	39.084.726.311
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20a	624.139.913.365	622.399.727.588
II. Nợ dài hạn	330		255.998.844.186	258.229.475.177
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20b	255.998.844.186	258.229.475.177
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		426.656.851.853	430.822.899.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	426.656.851.853	430.822.899.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	7.458.450.896
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.407.527.076	47.782.816.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.962.485.635	40.610.038.638
- (Lỗ sau thuế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.554.958.559)	7.172.777.549
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.742.479.632.187	1.711.081.752.116

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	255.344.168.734	355.360.692.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		255.344.168.734	355.360.692.680
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	240.683.085.134	330.651.610.518
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.661.083.600	24.709.082.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	42.002.703.714	29.207.035.518
7. Chi phí tài chính	22	5.25	47.315.774.371	24.138.326.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.815.691.740	24.137.385.788
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	6.681.714.952	9.722.264.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		2.666.297.991	20.055.526.456
11. Thu nhập khác	31	5.27	776.477.170	161.902.215
12. Chi phí khác	32	5.28	3.248.180.842	183.629.546
13. Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(2.471.703.672)	(21.727.331)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		194.594.319	20.033.799.125
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.29	3.749.552.878	4.786.647.677
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3.554.958.559)	15.247.151.448

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



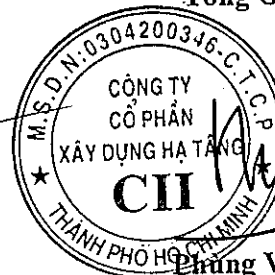
Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	194.594.319	20.033.799.125
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	2.674.186.060	3.335.210.636
Các khoản dự phòng	03	8.548.538.731	(212.143.016)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.657.249.214)	(29.238.773.733)
Chi phí lãi vay	06	37.815.691.740	24.137.385.788
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.575.761.636	18.055.478.800
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(91.172.196.089)	155.864.076.811
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(54.839.085.180)	13.409.483.577
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	39.967.864.552	(13.939.183.354)
Giảm chi phí trả trước	12	4.901.484.686	3.678.859.043
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	161.001
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.487.463.207)	(23.580.174.526)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	14.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(147.000.000)	(1.963.307.031)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(135.200.633.602)	150.539.894.321
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(134.773.045)	(567.454.320)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.113.636.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(363.780.617.346)	(222.182.432.604)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	494.913.149.476	277.561.089.409
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(63.400.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.939.371.710	56.068.802.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	125.650.767.158	110.880.004.904

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(39.818.367.279)
2. Tiền thu từ đi vay	33	462.335.330.069	427.881.301.960
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(469.675.114.121)	(547.562.578.271)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.230.661.162)	(4.697.434.080)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(40.630.266.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.570.445.214)	(204.827.343.720)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(19.120.311.658)	56.592.555.505
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.000.366.689	95.472.356.908
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.880.055.031	152.064.912.413

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính tại: Tầng 20, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 61 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 86 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ kế toán

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐQT về việc tăng thêm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi lên 75.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty vẫn chưa góp đủ vốn tăng thêm vào công ty con này.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 7.800.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia với tổng giá trị là 80.640.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện chuyển nhượng và dự kiến sẽ hoàn tất thương vụ trong quý 3 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	T. Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; duy tu bảo dưỡng công trình

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ lũy kế dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng,... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế toán tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.555.087.266	3.879.673.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.324.967.765	24.120.693.367
Cộng	8.880.055.031	28.000.366.689
5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	48.881.209.736	16.089.226.904
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	23.412.259.587	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	14.988.993.662	-
CII E&C - CC	6.180.640.297	-
Công ty NQN	3.823.620.000	4.081.960.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	8.969.803.175
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	1.776.435.012
Công ty CII E&C - BM	-	734.100.000
Công ty LGC	-	39.900.000
Công ty CII	-	11.332.527
Đối tượng khác	97.573.979.483	92.001.062.050
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	40.988.999.831	27.622.300.871
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	16.395.976.141	1.967.686.141
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	14.683.373.802	14.683.373.802
Công ty Cổ phần Big Gate	13.033.168.799	13.033.168.799
Các đối tượng khác	12.472.460.910	34.694.532.437
Cộng	146.455.189.219	108.090.288.954
5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	15.148.405.739	35.550.000
CII E&C - CC	15.148.405.739	-
Công ty CII B&R	-	35.550.000
Đối tượng khác	20.023.729.233	67.867.725.043
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	5.890.878.527	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Teracons	4.570.073.744	4.370.312.092
Các đối tượng khác	9.562.776.962	53.497.412.951
Cộng	35.172.134.972	67.903.275.043

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	278.705.081.575	385.512.447.840
Công ty CII	235.216.271.348	249.786.185.185
Công ty CII E&C - BM	43.488.810.227	106.814.000.000
Công ty NQN	-	28.912.262.655
Đối tượng khác	177.286.847.886	216.200.551.190
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	69.130.434.670	84.695.552.109
Công ty Cổ phần Teracons	58.030.367.472	53.853.894.432
Các đối tượng khác	50.126.045.744	77.651.104.649
Cộng	455.991.929.461	601.712.999.030

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ TẶNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu khác	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	160.522.886.853	72.622.146.262
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	12.799.342.782	25.510.484.788
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	7.413.347.255	10.077.755.806
Các khoản chi hộ	6.415.593.911	10.301.200.718
Ký cược, ký quỹ	2.123.811.679	2.370.482.599
Phải thu người lao động	693.962.264	947.700.764
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Các khoản phải thu khác	818.736.159	2.554.644.329
	191.499.553.642	125.096.288.005
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	22.587.652.141	22.782.852.141
	22.587.652.141	22.782.852.141
Cộng	214.087.205.783	147.879.140.146
Trong đó, phải thu các bên liên quan:		
Lãi trái phiếu và lãi cho vay	2.603.654.020	15.376.377.929
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.600.000.000	7.566.666.667
Công ty CII E&C - BM	549.650.240	2.783.611.390
Công ty CII	454.003.780	3.564.424.372
Công ty NQN	-	1.461.675.500
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	7.413.347.255	10.077.755.806
Công ty CII E&C - CC	6.943.813.566	5.678.225.893
Công ty NQN	469.533.689	3.731.955.204
Công ty CII E&C - BM	-	667.574.709
Các khoản chi hộ	30.032.442	40.043.256
Công ty CII E&C - CC	30.032.442	30.032.442
Công ty NQN	-	10.010.814
Cộng phải thu các bên liên quan	10.047.033.717	25.494.176.991

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.6. Nợ xấu**

Nội dung	30/06/2019			01/01/2019		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.551.503.611	50.438.480	(2.501.065.131)	2.551.503.611	50.438.480	(2.501.065.131)
Trả trước cho nhà cung cấp	809.297.626	87.579.063	(721.718.563)	419.262.463	-	(419.262.463)
Cộng	3.360.801.237	138.017.543	(3.222.783.694)	2.970.766.074	50.438.480	(2.920.327.594)

5.7. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	-	-	25.394.252.494	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	534.673.467.431	-	454.440.129.757	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	<i>242.998.924.708</i>	<i>-</i>	<i>226.039.054.323</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	<i>217.558.179.675</i>	<i>-</i>	<i>158.895.045.242</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công xây dựng Quốc Lộ 60, giai đoạn 2</i>	<i>15.868.498.342</i>	<i>-</i>	<i>18.834.155.739</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	<i>22.942.166.628</i>	<i>-</i>	<i>15.961.428.548</i>	<i>-</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>35.305.698.078</i>	<i>-</i>	<i>34.710.445.905</i>	<i>-</i>
Cộng	534.673.467.431	-	479.834.382.251	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí trả trước**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.216.667	79.339.680
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	16.903.333	62.843.333
Các khoản chi phí khác	1.759.000.000	33.000.000
	1.794.120.000	175.183.013
b. Dài hạn		
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	3.013.212.584	5.282.709.830
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng Công ty	900.240.529	4.259.305.870
Các khoản chi phí khác	912.615.428	1.804.474.514
	4.826.068.541	11.346.490.214
Cộng	6.620.188.541	11.521.673.227

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	17.546.335.908	11.491.607.452	796.300.000	29.834.243.360
Mua lại tài sản thuê tài chính	4.292.034.000	-	-	4.292.034.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.125.000.000)	-	(2.125.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	21.838.369.908	9.366.607.452	796.300.000	32.001.277.360
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	12.047.581.791	6.606.124.389	570.022.505	19.223.728.685
Khấu hao trong kỳ	807.289.093	495.850.323	26.954.998	1.330.094.414
Mua lại tài sản thuê tài chính	1.600.563.750	-	-	1.600.563.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.125.000.000)	-	(2.125.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	14.455.434.634	4.976.974.712	596.977.503	20.029.386.849
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	5.498.754.117	4.885.483.063	226.277.495	10.610.514.675
Tại ngày 30/06/2019	7.382.935.274	4.389.632.740	199.322.497	11.971.890.511

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 11.365.404.360 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 12.887.797.931 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 lần lượt là 7.322.501.338 VND và 3.498.475.694 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 lần lượt là 6.684.580.652 VND và 1.328.753.959 VND) (chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.10. Tài sản cố định thuê tài chính**Máy móc thiết bị
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2019

25.421.636.347

TSCĐ thuê tài chính được mua lại

(4.268.170.000)

Tại ngày 30/06/2019

21.153.466.347**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2019

6.814.019.824

Khấu hao trong năm

1.322.091.646

TSCĐ thuê tài chính được mua lại

(1.600.563.750)

Tại ngày 30/06/2019

6.535.547.720**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2019

18.607.616.523

Tại ngày 30/06/2019

14.617.918.627**5.11. Tài sản cố định vô hình**Phần mềm vi tính
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2019

280.000.000

Tại ngày 30/06/2019

280.000.000**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2019

155.431.974

Khấu hao trong kỳ

22.000.000

Tại ngày 30/06/2019

177.431.974**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2019

124.568.026

Tại ngày 30/06/2019

102.568.026

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ là 60.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.12. Bất động sản đầu tư**Quyền sử dụng đất
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2019

5.836.987.368

Tại ngày 30/06/2019

5.836.987.368

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2019

839.830.635

Tại ngày 30/06/2019

839.830.635

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2019

4.997.156.733

Tại ngày 30/06/2019

4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và cùng vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.13. Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2019				01/01/2019			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	7.800.000	55.200.000.000	-	80.640.000.000	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		103.400.000.000	-	(i)		40.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C		10.000.000.000	(8.246.082.631)	(i)		10.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C		7.410.000.000	-	(i)		7.410.000.000	-	(i)
Cộng		176.010.000.000	(8.246.082.631)	(i)		112.610.000.000	-	(i)

Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia được xác định theo giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty đã ký với đối tác vào ngày 26 tháng 6 năm 2019.

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.14. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Trái phiếu HNHC_17 (i)	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2018-2 (ii)	19.100.000.000	19.027.420.000	-	-
Cộng	139.100.000.000	139.027.420.000	120.000.000.000	120.000.000.000

(i) Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 VND bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm. Giấy chứng nhận trái phiếu đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20).

(ii) Ngày 13 tháng 6 năm 2019, Công ty đã mua lại trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh phát hành từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI với tổng mệnh giá 19.100.000.000 VND bao gồm 191.000 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu là 2 năm (đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2020) với lãi suất cố định 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	24.189.067.512	24.189.067.512	69.877.820.701	69.877.820.701
Công ty LGC	18.104.592.287	18.104.592.287	3.352.027.031	3.352.027.031
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	548.191.100	548.191.100	273.845.000	273.845.000
Công ty CII E&C - BM	536.284.125	536.284.125	60.763.306.389	60.763.306.389
CII E&C - CC	-	-	488.642.281	488.642.281
Đối tượng khác	112.304.978.688	112.304.978.688	66.604.092.348	66.604.092.348
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	21.417.886.228	21.417.886.228	54.811.986	54.811.986
Công ty Cổ phần Big Gate	12.766.794.727	12.766.794.727	16.840.294.727	16.840.294.727
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	12.170.026.914	12.170.026.914	-	-
Các đối tượng khác	65.950.270.819	65.950.270.819	49.708.985.635	49.708.985.635
Cộng	136.494.046.200	136.494.046.200	136.481.913.049	136.481.913.049

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a - DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	252.653.437.323	207.853.546.096
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	158.489.800.197	176.570.440.128
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	89.202.866.700	17.574.825.800
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	4.598.422.534	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	6.722.086.502
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	6.623.845.774
Đối tượng khác	852.275.500	1.525.328.359
Cộng	253.505.712.823	209.378.874.455

5.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.412.345.149	848.554.547	563.790.602
Thuế TNDN	10.619.663.631	3.749.552.878	5.000.000.000	9.369.216.509
Thuế thu nhập cá nhân	1.158.191.798	1.037.844.186	-	2.196.035.984
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	11.777.855.429	6.202.742.213	5.851.554.547	12.129.043.095

5.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay phải trả	3.733.472.228	1.726.105.060
Các khoản khác	-	177.777.778
Cộng	3.733.472.228	1.903.882.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a - DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản thu hộ	19.622.515.135	15.949.429.208
Tiền đặt cọc chuyển nhượng cổ phần trong Công ty LGC	4.000.000.000	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	3.468.655.537	11.402.489.688
Phải trả chi phí sử dụng vốn	761.758.333	1.244.782.308
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Các khoản phải trả khác	737.603.429	10.078.025.107
Cộng	29.000.532.434	39.084.726.311
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Lãi vay phải trả Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	692.313.889	203.608.333
Phải trả cho Công ty LGC	-	9.080.000.000
Phải trả các khoản thu hộ cho CII E&C - BM	-	73.111.983
Cộng	692.313.889	9.356.720.316

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	619.655.038.960	619.655.038.960	532.335.330.069	530.595.114.121	617.914.823.012	617.914.823.012
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	209.452.331.968	209.452.331.968	199.004.540.873	271.698.570.633	282.146.361.728	282.146.361.728
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng VCB - CN TP. Hồ Chí Minh	69.663.947.300	69.663.947.300	44.528.300.000	44.760.352.963	69.896.000.263	69.896.000.263
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	24.823.897.000	24.823.897.000	94.823.897.000	76.155.780.625	6.155.780.625	6.155.780.625
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	24.813.172.692	24.813.172.692	26.978.592.196	130.980.409.900	128.814.990.396	128.814.990.396
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	15.000.000.000	15.000.000.000	17.000.000.000	7.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản vay của các cá nhân	125.901.690.000	125.901.690.000	-	-	125.901.690.000	125.901.690.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	4.484.874.405	4.484.874.405			4.484.904.576	4.484.904.576
Cộng các khoản vay ngắn hạn	624.139.913.365	624.139.913.365	532.335.330.069	530.595.114.121	622.399.727.588	622.399.727.588

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Các khoản vay khác						
Các khoản vay của cá nhân	253.436.576.000	253.436.576.000	-	-	253.436.576.000	253.436.576.000
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế VN	7.047.142.591	7.047.142.591	-	2.230.661.162	9.277.803.753	9.277.803.753
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(4.484.874.405)	(4.484.874.405)	-	-	(4.484.904.576)	(4.484.904.576)
	2.562.268.186	2.562.268.186	-	2.230.661.162	4.792.899.177	4.792.899.177
Cộng các khoản vay dài hạn	255.998.844.186	255.998.844.186	-	2.230.661.162	258.229.475.177	258.229.475.177
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính	880.138.757.551	880.138.757.551			880.629.202.765	880.629.202.765
<i>Trong đó, số dư nợ vay các bên liên quan:</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	24.813.172.692	24.813.172.692	26.978.592.196	130.980.409.900	128.814.990.396	128.814.990.396
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	15.000.000.000	15.000.000.000	17.000.000.000	7.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	39.813.172.692	39.813.172.692	43.978.592.196	137.980.409.900	133.814.990.396	133.814.990.396

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	209.452.331.968	8 tháng	7,9 - 8,6%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 30.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Kinh doanh	150.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	15.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*****Thông tin bổ sung cho các khoản vay (tiếp theo)***

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	69.663.947.300	10 tháng	7,8%	Bổ sung vốn lưu động.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng với giá trị 20 tỷ đồng.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 11, Thành phố Hồ Chí Minh	24.823.897.000	6 tháng	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	24.813.172.692	12 tháng	10,5%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.	Vay tín chấp.
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	15.000.000.000	12 tháng	9,22 - 9,35%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng Quốc lộ 60, tỉnh Bến Tre	Vay tín chấp.
Các khoản vay các cá nhân	125.901.690.000	12 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CI

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*****Thông tin bổ sung cho các khoản vay (tiếp theo)***

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Dài hạn</u>					
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	7.047.142.591	3 - 4 năm	8% - 8,5%	Thuê tài chính	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 2.427.290.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.
Các khoản vay các cá nhân	253.436.576.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	4.484.874.405	4.484.904.576
Trong năm thứ hai	255.998.844.186	258.229.475.177
	260.483.718.591	262.714.379.753
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(4.484.874.405)	(4.484.904.576)
Số phải trả sau 12 tháng	255.998.844.186	258.229.475.177

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CHI

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	6.555.530.896	44.221.718.638	466.177.249.534
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.172.777.549	7.172.777.549
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	(39.818.367.279)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.708.760.000)	(2.708.760.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	902.920.000	(902.920.000)	-
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.458.450.896	47.782.816.187	430.822.899.804
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(3.554.958.559)	(3.554.958.559)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(251.089.392)	(251.089.392)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	209.241.160	(209.241.160)	-
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	43.407.527.076	426.656.851.853

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	30/06/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	61,71%	243.773.920.000	54,97%	217.151.120.000
Các cổ đông khác	38,29%	151.226.080.000	45,03%	177.848.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	395.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22 tháng 4 năm 2019, phương án chi trả cổ tức năm 2017 đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông trước với giá trị là 20.750.000.000 VND đã bị hủy bỏ. Bên cạnh đó, cổ tức năm 2018 tạm thời không chi trả và toàn bộ lợi nhuận của năm 2018 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	194.737.205.908	329.184.309.054
Doanh thu bán hàng	54.992.615.230	20.577.083.669
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.614.347.596	5.599.299.957
Cộng	255.344.168.734	355.360.692.680

Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan:

Công ty TNHH BOT Trung Lương Mỹ Thuận:

*Khối lượng thi công dự án Trung Lương Mỹ**Thuận*

72.138.517.273

58.824.976.364

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: *Khối**lượng thi công dự án QL 60*

67.661.872.063

92.546.439.724

Công ty CII E&C - CC: *Doanh thu cho thuê**thiết bị và bán vật tư*

27.731.397.543

11.934.443.431

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm:

*Khối lượng thi công gói xây lắp 1, 2 và khu nhà**ở thuộc dự án Thủ Thiêm*

27.394.860.081

84.240.134.674

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà

*Nội: Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu**dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội*

16.436.945.391

68.976.262.473

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG:

*Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741**và duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741*

6.017.165.895

7.484.719.506

Công ty NQN: *Cho thuê thiết bị*

694.690.908

851.127.273

Công ty CII E&C - BM: *Doanh thu cho thuê**thiết bị*

667.363.636

1.334.727.271

Công ty LGC: *Doanh thu cho thuê thiết bị*

31.090.909

Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:

*Điều chỉnh giảm khối lượng thi công công trình**mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm,**tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và công trình**Trạm thu phí Cà Ná*

(683.458.382)

(8.229.800.195)

Cộng**218.059.354.408****317.994.121.430**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.23. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	186.187.007.955	307.861.967.730
Giá vốn hàng đã bán	53.081.742.909	20.577.083.669
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.414.334.270	2.212.559.119
Cộng	240.683.085.134	330.651.610.518

5.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi trái phiếu	30.907.582.352	18.287.035.518
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.095.121.362	10.920.000.000
Cộng	42.002.703.714	29.207.035.518

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với bên liên quan:

Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.095.121.362	10.920.000.000
Công ty LGC	9.360.000.000	10.920.000.000
Công ty CII E&C - CC	1.265.587.673	-
Công ty NQN	469.533.689	-
Lãi tiền cho vay	15.397.499.973	8.846.303.902
Công ty CII	13.151.271.450	7.190.997.336
Công ty CII E&C - BM	1.884.825.240	932.500.000
Công ty NQN	361.403.283	722.806.566
Lãi trái phiếu	6.107.611.111	6.033.333.333
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	6.033.333.333	6.033.333.333
Công ty CII	74.277.778	-
Cộng	32.600.232.446	25.799.637.235

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.25. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	37.408.341.128	23.409.788.792
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	407.350.612	727.596.996
Phí cam kết rút vốn vay	1.250.000.000	-
Dự phòng đầu tư vào công ty con	8.246.082.631	-
Chi phí tài chính khác	4.000.000	940.922
Cộng	47.315.774.371	24.138.326.710

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với bên liên quan:

Chi phí lãi vay Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	1.978.592.196	1.856.441.088
Chi phí lãi vay Công ty CII	717.216.184	2.262.109.934
Chi phí lãi vay Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	577.402.778	45.047.222
Cộng	3.273.211.158	4.163.598.244

5.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.341.356.049	6.303.763.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	448.004.757	48.860.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	420.442.822	438.608.651
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	467.852.646
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	302.456.100	(212.143.016)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.618.994.145	2.670.322.175
Chi phí bằng tiền khác	547.461.079	5.000.000
Cộng	6.681.714.952	9.722.264.514

5.27. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	654.545.500	31.738.215
Các khoản thu nhập khác	121.931.670	130.164.000
Cộng	776.477.170	161.902.215

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng đã chuyển	3.107.504.384	-
Tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	16.035.000	45.000.000
Các khoản chi phí khác	124.641.458	138.629.546
Cộng	3.248.180.842	183.629.546

5.29. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	194.594.319	20.033.799.125
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(11.095.121.362)	(10.920.000.000)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	29.648.291.433	14.819.439.258
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	18.747.764.390	23.933.238.383
Thu nhập chịu thuế	20%	20%
Thuế suất thông thường	3.749.552.878	4.786.647.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành		

5.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	91.130.084.680	127.445.841.340
Chi phí nhân công	8.860.671.837	18.907.100.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.674.186.060	3.335.210.636
Chi phí dự phòng	302.456.100	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.629.837.384	176.384.496.417
Chi phí bằng tiền khác	1.767.564.025	1.699.356.059
Cộng	247.364.800.086	327.772.004.568

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Số tiền vay thực nhận trong kỳ		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	418.356.737.873	338.881.301.960
Tiền vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	43.978.592.196	89.000.000.000
Cộng	462.335.330.069	427.881.301.960
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	322.614.704.221	523.899.317.971
Trả nợ gốc vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	147.060.409.900	23.663.260.300
Cộng	469.675.114.121	547.562.578.271

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan**

<u>Danh sách bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("SII")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ, công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty CII		
Nhận vốn hợp tác thi công dự án	329.900.000.000	710.000.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác thi công dự án	302.872.947.317	497.253.888.527
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	577.058.377	731.111.473
Cán trừ vốn hợp tác kinh doanh - nợ gốc	24.027.052.683	212.746.111.473
Cán trừ vốn hợp tác kinh doanh - tiền lãi	3.128.825.280	1.515.998.461
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	319.549.994.306	102.300.000.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	310.092.855.460	84.495.669.735
Công ty mẹ thanh toán chi phí sử dụng vốn	13.207.144.540	15.504.330.265
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong kỳ	-	21.165.112.000
Công ty CII E&C - BM		
Chuyển công nợ phải thu về cho vay sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	63.325.189.773	-
Chuyển công nợ phải thu tiền lợi nhuận và lãi cho vay sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	4.786.361.099	-
Chuyển công nợ phải thu khách hàng sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	1.395.088.017	-
Thanh toán tiền mua hàng trong kỳ	138.547.724.717	127.248.563.792
Nhận lại tiền mua hàng trong kỳ	104.850.000.000	60.000.000.000
Nhập kho vật tư trong kỳ	1.854.146.409	92.411.184.734
Vật tư trả lại trong kỳ	-	909.664.090
Chuyển công nợ phải trả người bán cho CII E&C - BM sang phải trả các đối tượng khác	36.947.258.170	-
Chuyển công nợ ứng trước tiền mua vật tư cho CII E&C - BM sang phải thu khách hàng của các đối tượng khác	8.378.399.572	-
Chuyển công nợ từ ứng trước tiền mua vật tư sang khoản phải thu về cho vay	-	37.300.000.000
Công nợ phải trả các đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - BM	-	17.647.642.045
Thu tiền cho thuê thiết bị, mua vật tư	-	489.400.000
Lợi nhuận được thanh toán trong kỳ	-	526.066.695
Thu nhập từ bán tài sản	-	863.636.363

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty NQN		
Góp vốn trong kỳ	63.400.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	28.912.262.655	-
Thu tiền từ lợi nhuận được chia	3.731.955.204	-
Thu tiền lãi cho vay	1.833.089.597	-
Thu tiền thi công bốc tăng phủ và cho thuê thiết bị	1.022.500.000	-
Chuyển công nợ ứng trước thành phải thu về cho vay	-	28.912.262.655
Công ty CII E&C - CC		
Tạm ứng thi công công trình	35.823.897.000	73.850.000.000
CII E&C - CC hoàn trả lại vốn thi công	4.000.000.000	14.000.000.000
Chi phí thi công dự án Thủ Thiêm	27.630.461.396	48.537.913.696
Thu tiền bán đá granite và thuê thiết bị trong kỳ	24.323.897.000	1.000.000.000
Chuyển công nợ CII E&C - CC sang phải trả cho Công ty LGC	14.206.658.556	-
Công nợ ứng trước cho đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - CC	-	4.364.168.044
Công ty LGC		
Chuyển công nợ CII E&C - CC và CII E&C - BM sang phải trả cho Công ty LGC	14.904.824.856	-
Cần trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán	39.900.000	-
Cần trừ công nợ phải thu về cổ tức được chia với phải trả người bán	280.000.000	-
Cổ tức đã nhận được trong kỳ	-	25.000.000.000
Thanh toán tiền mua vật tư trong kỳ	-	2.105.976.860
Mua vật tư trong kỳ	137.814.000	82.800.000
Công ty CII B&R		
Thu lại tiền ứng trước	35.550.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	-
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	-
Thu lãi trái phiếu trong kỳ	12.000.000.000	12.166.666.667
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	-	39.566.518.556

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền giá trị quyết toán còn lại	7.395.018.934	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	-	55.574.128.639
Chuyển trả tiền dư	-	2.674.063.052
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT741	12.993.740.030	8.101.701.606
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	52.815.219.833	131.702.917.323
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	30.560.796.571	40.472.557.860
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	17.000.000.000	7.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong kỳ	7.000.000.000	7.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong kỳ	88.697.222	45.047.222
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	25.000.000.000	82.000.000.000
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	1.978.592.196	-
Cần trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	130.980.409.900	16.663.260.300
Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	20.000.000.000	55.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Chi phí đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh mặt đường dự án Xa lộ Hà Nội	249.405.545	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:		
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	402.496.000	1.432.123.030

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	880.138.757.551	880.629.202.765
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.880.055.031)	(28.000.366.689)
Nợ thuần	871.258.702.520	852.628.836.076
Vốn chủ sở hữu	426.656.851.853	430.822.899.804
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	204,21%	197,91%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.880.055.031	28.000.366.689
Các khoản cho vay	455.991.929.461	601.712.999.030
Phải thu khách hàng	143.954.124.088	105.589.223.823
Phải thu khác	52.051.620.507	73.062.467.569
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	306.791.337.369	232.610.000.000
Cộng	967.669.066.456	1.040.975.057.111
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	136.494.046.200	136.481.913.049
Chi phí phải trả	3.733.472.228	1.903.882.838
Phải trả khác	29.000.532.434	39.084.726.311
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	880.138.757.551	880.629.202.765
Cộng	1.049.366.808.413	1.058.099.724.963

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Phải trả người bán	136.494.046.200	-	-	136.494.046.200
Phải trả khác	29.000.532.434	-	-	29.000.532.434
Chi phí phải trả	3.733.472.228	-	-	3.733.472.228
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	624.139.913.365	255.998.844.186	-	880.138.757.551
Cộng	793.367.964.227	255.998.844.186	-	1.049.366.808.413
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán	136.481.913.049	-	-	136.481.913.049
Phải trả khác	39.084.726.311	-	-	39.084.726.311
Chi phí phải trả	1.903.882.838	-	-	1.903.882.838
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	622.399.727.588	258.229.475.177	-	880.629.202.765
Cộng	799.870.249.786	258.229.475.177	-	1.058.099.724.963

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.880.055.031	-	-	8.880.055.031
Các khoản cho vay	455.991.929.461	-	-	455.991.929.461
Phải thu khách hàng	143.954.124.088	-	-	143.954.124.088
Phải thu khác	29.463.968.366	22.587.652.141	-	52.051.620.507
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	55.200.000.000	139.027.420.000	112.563.917.369	306.791.337.369
Cộng	693.490.076.946	161.615.072.141	112.563.917.369	967.669.066.456
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.000.366.689	-	-	28.000.366.689
Các khoản cho vay	601.712.999.030	-	-	601.712.999.030
Phải thu khách hàng	105.589.223.823	-	-	105.589.223.823
Phải thu khác	50.279.615.428	22.782.852.141	-	73.062.467.569
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	112.610.000.000	232.610.000.000
Cộng	785.582.204.970	142.782.852.141	112.610.000.000	1.040.975.057.111

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

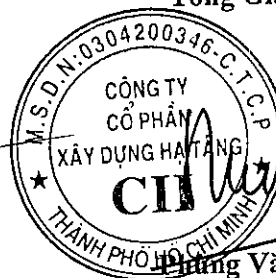
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến

